

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-5-2020

*Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: K130H22/1 đường Đ, tổ 38, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Cao Văn N**, sinh năm: 1977;

Nơi đăng ký hộ khẩu: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh V; Chỗ ở tạm trú: K130H22/1 đường Đ, tổ 38, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019, bản tự khai đề ngày 04/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Phan Thị L trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phan Thị L và ông Cao Văn N xây dựng gia đình và chung sống với nhau từ năm 1998. Đến năm 2006, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/11/2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống và làm việc tại thành phố M. Đến năm 2018 vợ chồng chuyển về sống tại nhà cha mẹ bà L địa chỉ K130H22/1 đường Đ, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Ông N thường chơi bài bạc, rượu chè, không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, khuyên can nhưng vẫn không đạt kết quả.

Nay bà L xác định không còn tình cảm thương yêu ông N, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Cao Văn N.

- *Về con chung*: Bà L xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung. Ly hôn, bà L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Cao Kim H, sinh ngày 05/5/2008 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Cao Khắc H1, sinh ngày 29/11/1999 đã trưởng thành nên không đề cập.

- *Về tài sản chung*: Bà L xác định không có.

- *Về nợ chung*: Bà L xác định không có.

* Bị đơn là ông Cao Văn N mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị L đối với bị đơn là ông Cao Văn N về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Phan Thị L được ly hôn với ông Cao Văn N.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Cao Kim H, sinh ngày 05/5/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Cao Văn N không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Cao Khắc H1, sinh ngày 29/11/1999 đã trưởng thành nên không đề cập.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra lại tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Cao Văn N có đăng ký tạm trú tại địa chỉ K130H22/1 đường Đ, tổ 38, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Cao Văn N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Cao Văn N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị L và ông Cao Văn N xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/11/2006. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, bà L và ông N chung sống và làm việc tại thành phố M. Đến năm 2018 vợ chồng ông bà chuyển về sống tại nhà cha mẹ của bà L tại địa chỉ K130H22/1 đường Đ, tổ 38, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông N chơi bài bạc, rượu chè, không lo làm ăn và không quan tâm đến gia đình, vợ con. Để ổn định cuộc sống, bà Phan Thị L đã làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn N.

Xét thấy: Mục đích hôn nhân chỉ có thể đạt được khi cả vợ và chồng cùng có ý thức và trách nhiệm trong việc xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo biên bản xác minh tại nơi ông bà cư trú thể hiện ông bà đã tự sống ly thân, không ai có trách nhiệm với ai. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện để vợ chồng ông bà trở về đoàn tụ, nhưng ông Cao Văn N đều vắng mặt, điều này thể hiện sự không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình của ông N. Do đó, nguyện vọng yêu cầu được ly hôn để không ràng buộc bởi quan hệ pháp lý

của bà Phan Thị L là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Phan Thị L xác định vợ chồng có 02 (hai) người con chung. Ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con Cao Kim H, sinh ngày 05/5/2008 và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Cao Khắc H1, sinh ngày 29/11/1999 đã trưởng thành nên không đề cập.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng một mặt phải căn cứ vào điều kiện kinh tế của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Theo biên bản xác minh nơi ông bà cư trú thể hiện các con hiện đang do bà Phan Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung nên cần giao con Cao Kim H cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành, ông N không cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, cũng như nguyện vọng của cháu H là được ở với mẹ. Đối với con Cao Khắc H1 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Bà Phan Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Phan Thị L xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Phan Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phan Thị L về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” đối với bị đơn là ông Cao Văn N.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị L được ly hôn với ông Cao Văn N.

2. Về con chung: Giao con Cao Kim H, sinh ngày 05/5/2008 cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông Cao Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Đối với Cao Khắc H1, sinh ngày 29/11/1999 đã trưởng thành nên không đề cập.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Phan Thị L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà đã nộp theo biên lai thu số 0001509 ngày 03 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà L đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;
- (*Giấy CNKH số 107 ngày 09/11/2006*);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện